

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;
Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-ST ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1976 (có mặt).
 - *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp 1 xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông B có tìm hiểu nhau được một thời gian thì đi đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B không chăm lo gia đình, ông B tham gia tệ nạn xã hội

nếu đánh bài ăn tiền, sống không chung thủy, bà có khuyên ngăn nhưng không được nên đã sống ly thân. Xét thấy hôn nhân không thể tiếp tục, bà L yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 09/3/2004 (nam) và Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 26/4/2012 (nữ), hiện đang sống cùng với bà L. Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi dưỡng, nếu các con có nguyện vọng theo bà L thì bà L đồng ý nuôi không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày ý kiến:

Về hôn nhân: Ông B và bà L có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông B xác định có chăm lo cho gia đình, đi làm ăn xa đem tiền về nhà. Còn việc tham gia cờ bạc là tiền riêng của ông B, ông không có ngoại tình vì bà L chưa bắt gặp lần nào. Hôn nhân duy trì có hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, muốn hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 09/3/2004 (nam) và Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 26/4/2012 (nữ), hiện đang sống cùng với bà L. Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung.

- Ông B vắng mặt không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn B.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn B cưới nhau năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 150 quyển số 01/2004 ngày 07/7/2004 của Ủy ban

nhân dân xã H, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà L thì trong thời gian chung sống ông B không lo làm ăn mà tham gia cờ bạc ăn tiền đồng thời ông B sống không chung thủy, có quan hệ với nhiều phụ nữ bên ngoài, bà L khuyên can nhưng ông B không thay đổi, ông bà sống ly thân. Từ khi sống ly thân ông bà cũng không có tiếng nói chung, bà L yêu cầu được ly hôn, ông B không đồng ý ly hôn, vì ông cho rằng cờ bạc là tiền riêng của ông, bà L chưa bắt gặp lần nào nên nói ông ngoại tình thì ông không thừa nhận. Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông B vắng mặt nên không có ý kiến khác. Thấy rằng, vợ chồng phải có nghĩa vụ tôn trọng nhau, thương yêu chăm sóc cho nhau, như giữa bà L với ông B ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn xảy ra không khắc phục được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông B.

[2] Về nuôi con chung: Bà L và ông B xác định có 02 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 09/3/2004 (nam) và Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 26/4/2012 (nữ), hiện đang sống cùng với bà L. Hai đương sự đều có ý kiến là xét theo nguyện vọng của con chung, các cháu theo ai thì người đó nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu H và cháu Ng, các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu H và cháu Ng cho bà L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Cho bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 09/3/2004 (nam) và cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 26/4/2012 (nữ) cho bà Nguyễn Thị Bích L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà L phải chịu 300.000 đồng, bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007627 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân bà L nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã H, huyện N (CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính